

ẢNH HƯỞNG CỦA SỰ KIỆN HIỆN TẠI TỚI KẾT QUẢ T.A.T CỦA NAM HỌC SINH TRUNG HỌC PHỔ THÔNG

NGUYỄN HỮU CẦU*

Trong công tác chẩn đoán tâm lý, việc áp dụng T.A.T (Thematic Apperception Test - Trắc nghiệm Tổng giác theo chủ đề) có thể nói là rất cần thiết, thường xuyên được tiến hành. Nội dung cơ bản của việc tiến hành T.A.T là nghiệm thể nói một câu chuyện về mỗi một bức tranh T.A.T. Câu hỏi đặt ra là: Những sự kiện hiện tại, nghĩa là ngay trước khi hoặc trong khi làm T.A.T., nếu nghiệm thể xem một số bức tranh, một câu chuyện tranh, một bộ phim v.v... có chi phối tới kết quả T.A.T hay không?

Các kết quả nghiên cứu của Bellak (1944), Coleman (1947), Gilbert (1947) cho thấy: sự kiện hiện tại không làm thay đổi kết quả T.A.T của nghiệm thể. Hay nói cách khác, cấu trúc cơ bản nhân cách của nghiệm thể khi phản ánh qua T.A.T vẫn được giữ nguyên trong trường hợp có sự kiện hiện tại.

Nghiên cứu của chúng tôi nhằm đánh giá: Liệu ở người Việt Nam sự kiện hiện tại có ảnh hưởng tới việc phản ánh cấu trúc nhân cách qua T.A.T hay không? Trong khuôn khổ của đề tài nghiên cứu được tiến hành tại Cơ sở 1 và 2 Trường trung học phổ thông dân lập Đinh Tiên Hoàng, Hà Nội, từ tháng

10 năm 2001 đến tháng 12 năm 2002.

T.A.T được tiến hành theo phương pháp nhóm với 10 bức tranh (1, 2, 3 BM, 4, 7 BM, 8 BM, 9 BM, 13 MF, 14, 18 BM) cho 36 em học sinh có sự chi phối của sự kiện hiện tại (nhóm SKHT) và 100 em nam không có tác động của sự kiện hiện tại (nhóm HSBT). Nhóm SKHT được xem câu chuyện tranh "Tàng Tử làm thịt lợn" (2001) trong thời gian 5 phút ngay trước khi làm T.A.T.

T.A.T của nhóm SKHT sẽ được phân tích theo cơ cấu, sự phân bố các chủ đề (số lượng, tỷ lệ các chủ đề) và cơ cấu, sự phân bố các nhu cầu (số lượng, tỷ lệ các nhu cầu). Kết quả này sẽ được so sánh với kết quả T.A.T của nhóm HSBT bằng cách tính các giá trị X^2 , P để nhìn nhận sự giống và khác nhau giữa chúng.

1. Cơ cấu, sự phân bố các chủ đề

Giá trị X^2 , d, P về cơ cấu, sự phân bố các chủ đề tại các bức tranh giữa nhóm nam SKHT và nhóm nam HSBT được trình bày trong bảng 1.

*Đại học Y Hà Nội.

Bảng 1: Giá trị X^2 , d , và P về cơ cấu, sự phân bố các chủ đề của các bức tranh giữa nhóm nam SKHT và nam HSBT

Bức tranh	X^2	d	P
1	0.92	2	0.6
2	3.08	2	0.2
3BM	10.95	4	0.02
4	8.17	4	0.08
7BM	17.13	3	0.0006
8BM	3.3	3	0.3
9BM	1.99	3	0.5
13 MF	7.12	4	0.1
14	2.01	4	0.7
18 BM	1.43	3	0.6

Bảng 1 chỉ ra rằng: cơ cấu, sự phân bố các chủ đề ở hầu hết các bức tranh của nhóm nam SKHT và nam HSBT là giống nhau (với $P \geq 0.05$). Tuy vậy, ở bức tranh 3 BM và 7 BM có sự khác biệt có ý nghĩa (với $P < 0.05$).

Phân tích chi tiết cho thấy tại bức tranh 3 BM sự khác nhau có ý nghĩa thống kê giữa 2 nhóm (nam SKHT và nam HSBT) là ở chủ đề "Một người đang đau khổ vì bị người khác bỏ rơi" (với $P < 0.01$). Tại bức tranh 7 BM sự khác nhau có ý nghĩa thống kê giữa 2 nhóm (SKHT và HSBT) là ở chủ đề "Bàn bạc kế hoạch giữa 2 người"; và "Chủ đề khác" (Xem bảng 2 và bảng 3).

Bảng 2: Giá trị X^2 , P của các chủ đề ở bức tranh 3 BM giữa nhóm nam SKHT và nam HSBT

Chủ đề	X^2	P
Một cậu bé đang cảm thấy tội lỗi vì hành vi trong quá khứ	0.49	0.4
Một người nghiện	1.47	0.2
Một người đang đau khổ vì bị người khác bỏ rơi	5.98	0.01
Chủ đề khác	2.38	0.1

Bảng 3: Giá trị X^2 , P của các chủ đề ở bức tranh 7 BM giữa nhóm nam SKHT và nam HSBT

Chủ đề	X^2	P
Người cha đang khuyên bảo người con	2.66	0.1
Cuộc chuyện trò giữa hai người	3.08	0.07
Bàn bạc kế hoạch giữa hai người	5.24	0.02
Chủ đề khác	5.24	0.01

SKHT trong nghiên cứu này có nội dung cơ bản là tính xâm kích (làm thịt lợn, tranh cãi nhau). Sự khác nhau có ý nghĩa thống kê về kết quả T.A.T tại bức tranh 3 BM giữa nhóm nam SKHT và nam HSBT ở chủ đề "Một người đang đau khổ vì bị người khác bỏ rơi" hoàn toàn không có nội dung xâm kích.

Ở bức tranh 7 BM các chủ đề "Bàn bạc kế hoạch giữa hai người" và "Cuộc trò chuyện giữa hai người" có điểm giống nhau là đều nói về "Sự trao đổi, bàn bạc giữa hai người". Do đó, nếu khái quát lên thì 2 loại chủ đề này có thể xếp chung vào cùng một chủ đề "Trao đổi, bàn bạc giữa hai người". Khi gộp chủ đề "Bàn bạc kế hoạch giữa hai người" và "Cuộc trò chuyện giữa hai người" thành một chủ đề "Trao đổi, bàn bạc giữa hai người", thì không có sự khác nhau có ý nghĩa thống kê giữa 2 nhóm học sinh (xem bảng 4). Nói cách khác, trong trường hợp này sự phân bố các loại chủ đề ở bức tranh 7 BM hầu hết là giống nhau giữa nhóm nam SKHT và nam HSBT; sự khác nhau chỉ xảy ra ở "Chủ đề khác". Do đó, sự khác nhau này là không đáng kể.

Bảng 4: Giá trị X^2 , P của các chủ đề ở bức tranh 7 BM giữa nhóm nam SKHT và nam HSBT

Chủ đề	X^2	P
Người cha đang khuyên bảo người con	2.66	0.1
Trao đổi, bàn bạc giữa hai người	0.16	0.6
Chủ đề khác	5.42	0.01

Với những phân tích trên, ở phần chủ đề có thể nói rằng: cơ cấu, sự phân bố các loại chủ đề giữa nhóm nam bị chi phối bởi sự kiện hiện tại và nhóm HSBT không có sự khác nhau đáng kể.

2. Cơ cấu, sự phân bố các nhu cầu

Cơ cấu, sự phân bố các nhu cầu của nhóm nam SKHT sẽ được so sánh với cơ cấu, sự phân bố các nhu cầu của nhóm nam HSBT thông qua việc tính các giá trị X^2 và P. Kết quả của 2 nhóm (nam SKHT và nam HSBT) được xem là giống nhau với $P \geq 0.05$. Các giá trị X^2 , d, và P về cơ cấu, sự phân các nhu cầu của các bức tranh giữa nhóm nam SKHT và nam HSBT được trình bày trong bảng 5.

Bảng 5: Giá trị X^2 , d , và P về cơ cấu, sự phân bố các nhu cầu của các bức tranh giữa nhóm nam SKHT và nam HSBT

Bức tranh	X^2	d	P
1	2.39	1	0.1
2	2.76	2	0.2
3BM	7.07	4	0.1
4	2.64	4	0.6
7BM	2.02	3	0.5
8BM	0.75	3	0.8
9BM	2.29	2	0.3
13 MF	8.78	3	0.03
14	0.71	4	0.9
18 BM	2.17	5	0.8

Bảng 5 cho thấy rằng: cơ cấu, sự phân bố các nhu cầu ở hầu hết các bức tranh giữa nhóm nam SKHT và nam HSBT đều giống nhau (với $P \geq 0.05$). Cơ cấu, sự phân bố các nhu cầu giữa 2 nhóm (nam SKHT và nam HSBT) khác nhau có ý nghĩa thống kê với $P < 0.05$ chỉ xảy ra ở bức tranh 13 MF.

Phân tích chi tiết cho thấy tại bức tranh 13 MF sự khác nhau có ý nghĩa thống kê giữa 2 nhóm (nam SKHT và nam HSBT) chỉ xảy ra ở loại "Nhu cầu khác" (Với $P < 0.05$) (Xem bảng 6).

Bảng 6: Các giá trị X^2 , P của các nhu cầu ở bức tranh 13 MF giữa nhóm nam SKHT và nam HSBT

Chủ đề	X^2	P
Tình dục	3.56	0.05
Đau khổ	0.12	0.7
Hạ thấp mình	0.01	0.91
Khác	4.64	0.03

Do đó, có thể nói rằng: sự kiện hiện tại không chỉ phối tới cơ cấu, sự phân bố các nhu cầu của nhóm nam SKHT. Nói cách khác sự kiện hiện tại không làm ảnh hưởng tới sự phản ánh các loại nhu cầu của nghiệm thể lên T.A.T.

Kết hợp việc phân tích cơ cấu, sự phân bố các chủ đề với việc phân tích cơ cấu, sự phân bố các nhu cầu được nghiệm thể phản ánh qua T.A.T giữa nhóm nam SKHT và nam HSBT cho thấy có sự khác nhau không đáng kể. Sự khác nhau giữa

2 nhóm ở phần chủ đề (bức tranh 3 BM và 7 BM) không trùng hợp với sự khác nhau ở phần nhu cầu (bức tranh 13 MF). Hay nói cách khác, sự kiện hiện tại không làm thay đổi sự phản ánh cấu trúc cơ bản nhân cách của nghiệm thể lên T.A.T.

Tóm lại, qua sự phân tích cơ cấu, sự phân bố các chủ đề và các nhu cầu được phản ánh thông qua T.A.T của nhóm nam SKHT và nhóm nam HSBT thì có thể nói rằng: Các sự kiện hiện tại không chi phối cấu trúc cơ bản của nhân cách; mặc dầu SKHT có chi phối một số câu chuyện T.A.T. Các đặc điểm cơ bản của nhân cách vẫn được giữ nguyên khi phản ánh qua T.A.T, nếu ngay trước khi làm T.A.T, nghiệm thể có xem câu chuyện tranh.♣

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Quốc Văn Giáo Khoa Thư. *Tăng Tử làm thị lợn*. NXB Trẻ, thành phố Hồ Chí Minh, 2001.
2. Bellak, L. *The concept of projection. An experimental investigation and study of the concept*. Psychiatry 4, 1944, pp. 353-370.
3. Coleman, W. *The Thematic Apperception Test. I. Effect of recent experience, II. Some quantitative observation*, J. Clin. Psychol., 3, 1947, pp. 257-264.
4. Gilbert, G.M. *The Nuremberg Diary*. New York, Prentice-Hall, 1947.

VẤN ĐỀ PHI NHÂN CÁCH...

(Tiếp theo trang 7)

một người làm cha, làm mẹ, làm con trai, làm con gái, làm anh, làm chị, làm vợ, làm chồng. Đó cũng chính là một yếu tố nâng cao chất lượng giáo dục nhằm thúc đẩy nhanh quá trình nhân cách hoá và khắc phục dần tình trạng phi nhân cách hoá trẻ vị thành niên ở nước ta trong giai đoạn hiện nay.♣

Chú thích

1. Phan Thị Mai Hương. *Phác thảo một số chân dung nhân cách thanh niên nghiệm ma túy*. Tạp chí "Tâm lý học" Số 2/2000, trang 40.
2. Văn Thị Kim Cúc. *Viện Tâm lý học - 15 năm xây dựng và phát triển*. NXB KHXH, Hà Nội, 2004.

3. Lê Thị Hà. *Đặc điểm nhân cách gái mại dâm và định hướng giáo dục*. Luận án tiến sỹ đã bảo vệ thành công năm 2003.

4. Phan Thị Mai Hương. *Viện Tâm lý học - 15 năm xây dựng và phát triển*. NXB KHXH, Hà Nội, 2004, trang 46-47.

5. Nguyễn Đức Thạc. *Góp phần nhận diện hình mẫu người cha trong gia đình Việt Nam hôm nay*. Tạp chí "Tâm lý học" Số 6/2004, trang 32.

RA QUYẾT ĐỊNH...

(Tiếp theo trang 10)

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Cartwright, D. (1968). The nature of group cohesiveness. In D. Cartwright & A. Zander (Eds). *Group dynamics: Research and Theory* (Third edition). New York: Harper & Row.
2. Cartwright, D. & Zander, A. (1968, Eds.). *Group Dynamics: Research & Theory* (Third Edition). New York: Harper & Row.
3. French, J. R. P. Jr. & Raven, B. A. (1959) The bases of social power. In Cartwright, D. (Ed.). *Studies in Social Power*. Ann Arbor: University of Michigan Press.
4. Janis, I. L. (1972). *Victims of Groupthink*. Boston: Houghton Mifflin.
5. Kelman, H. C. (1965). *International Behavior*. New York: Holt, Rinehart, & Winston.
6. Lawler, E. J. & Thompson, M. E. (1978). Impact on leader responsibility for inequity on subordinate revolts. *Social Psychology*, 41, 264 - 268.
7. Longley, J. & Pruitt, D. J. Groupthink: A critique of Janis's theory. In L. Wheeler (Ed.). *Review of Personality and Social Psychology*. (Vol. 1). Beverly Hills, Ca.: Sage Press.
8. Mc Donough, G. R. (1986). *An investigation of the effects of moral judgment level and leadership style on effective decision making*. Masters thesis: Purdue University.
9. Myers, D. G. & Bishop, G. D. Discussion effects on racial attitudes. *Science*, 169, 778-789.
10. Myers, D. G. & Bishop, G. D. (1971). Enhancement of dominant attitudes in group discussion. *Journal of Personality and Social Psychology*, 20, 386- 391.
11. Myers, D. G. & Lamm, H. (1976). The group polarization phenomenon. *Psychological Bulletin*, 83, 602- 627.
12. Posakoff, P. M. & Schriesheim, C. A. (1985). Field studies of French & Ravens bases of power. Critique, reanalysis, and suggestions for future research. *Psychological Bulletin*, 97, 387- 441.
13. Steiner, I. D. (1972). *Group Process and Productivity*. New York : Academic Press.